

HÌNH THỨC KIỂM TRA: 70% TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN + 30% TỰ LUẬN

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ ĐG	Mức độ kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi số	
				TN	TL	TN	TL
CHỦ ĐỀ 1: THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA TẾ BÀO (6 tiết)							
Nội dung 1: Các phân tử sinh học	Khái quát về phân tử sinh học. Cacbohydrat Protein Nucleic Acid Lipid Thực hành nhận biết một số phân tử sinh học.	Nhận biết	- Nêu được khái niệm phân tử sinh học. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp carbohydrate, lipit, protein cho cơ thể				
		Thông hiểu	- Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của cacbohydrat trong tế bào. - Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của lipid trong tế bào. - Trình bày được vai trò của lipid trong tế bào. - Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của protein trong tế bào. - Trình bày được vai trò của protein trong tế bào. Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) của nucleic acid trong tế bào. - Trình bày được vai trò của nucleic acid trong tế bào.	2	13,14		

		Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của carbohydrate. - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của protein. - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của lipid. Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của nucleic acid. 				
		Vận dụng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò của DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,.... - Vận dụng được kiến thức về thành phần hoá học của tế bào vào giải thích các hiện tượng và ứng dụng trong thực tiễn: <ul style="list-style-type: none"> + Vì sao cần có một khẩu phần ăn hợp lí? + Vì sao thịt lợn, thịt bò cùng là protein nhưng có nhiều đặc điểm khác nhau? - Thực hành xác định (định tính) được một số thành phần hoá học có trong tế bào (protein). - Thực hành xác định (định tính) được một số thành phần hoá học có trong tế bào (lipid). - Thực hành xác định (định tính) được một số thành phần hoá học có trong tế bào(carbohydrate). 				
CHỦ ĐỀ 2: CẤU TRÚC CỦA TẾ BÀO (8 tiết)							
Nội dung 1: Tế bào	Tế bào nhân sơ;	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được kích thước của tế bào nhân sơ. - Mô tả được cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào 	5		1→ 5	

nhân sơ và tế bào nhân thực	Tế bào nhân thực; Cấu trúc của tế bào nhân thực.		nhân sơ. - Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất. - Nêu chức năng của các bào quan trong tế bào chất, cụ thể: Lưới nội chất, Peroxisome, trung thể, bộ khung tế bào.				
		Thông hiểu	- Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân. - Quan sát hình vẽ, lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và động vật. - Lập được bảng so sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.	2		15,16	
		Vận dụng	- Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào (ở tế bào thực vật). - Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của màng sinh chất. - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào, cụ thể: ty thể, lục lạp, bộ máy Golgi, lysosome.		1		21
		Vận dụng cao	- Thực hành làm được tiêu bản và quan sát được tế bào sinh vật nhân sơ (vi khuẩn). - Làm được tiêu bản hiển vi tế bào nhân thực (củ hành tây, hành ta, thái lát tía, hoa lúa, bí ngô, tế bào niêm mạc xoang miệng,...) và quan sát nhân, một số bào quan trên tiêu bản đó.				
CHỦ ĐỀ 3: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở TẾ BÀO (10 tiết)							
Nội dung 1: Trao đổi	Khái niệm trao đổi chất ở tế	Nhận biết	- Nêu được khái niệm trao đổi chất ở tế bào. - Nêu được khái niệm, ý nghĩa của các hình thức vận chuyển	3		6,7,8	

chất qua màng sinh chất	bào; Sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất + Vận chuyển thụ động + Vận chuyển chủ động + Nhập, xuất bào		các chất qua màng sinh chất.				
		Thông hiểu	- Phân biệt được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động. - Trình bày được hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất	2		17,18	
		Vận dụng	- Lấy được ví dụ về các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất. - Lấy được ví dụ minh họa về hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất.				
		Vận dụng cao	- Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn như: Ngâm rau sống vào nước muối loãng để làm sạch rau hơn; Cây có thể chết do bón phân vào đất quá nhiều; Muốn giữ rau tươi phải vẩy nước vào rau; Muối dưa, cà thì có vị mặn và ị teo lại... - Làm được thí nghiệm và quan sát hiện tượng co và phản co nguyên sinh (tế bào hành, tế bào máu,...); - Làm được thí nghiệm tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất tế bào sống.		1		23
Nội dung 2: Sự chuyển hóa năng lượng và enzym	Năng lượng và sự chuyển hóa năng lượng ở tế bào; Emzim;	Nhận biết	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm chuyển hoá năng lượng trong tế bào. - Nêu được khái niệm, cấu trúc và cơ chế tác động của enzym.	4		9 → 12	
		Thông hiểu	- Phân biệt được các dạng năng lượng trong chuyển hoá năng lượng ở tế bào.	2		19,20	

Thực hành về enzym.		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình tổng hợp và phân giải ATP gắn liền với quá trình tích lũy, giải phóng năng lượng. - Trình bày được vai trò của enzyme trong quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xúc tác của enzyme. 				
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được năng lượng được tích lũy và sử dụng cho các hoạt động sống của tế bào là dạng hoá năng (năng lượng tiềm ẩn trong các liên kết hoá học). - Phân tích được cấu tạo và chức năng của ATP về giá trị năng lượng sinh học. 		1		22
	Vận dụng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Làm được thí nghiệm phân tích ảnh hưởng của một số yếu tố đến hoạt tính của enzyme; - Làm được thí nghiệm kiểm tra hoạt tính thủy phân tinh bột của amylase. 				
TỔNG CỘNG			20	3	1 → 20	21,22,23

* Lưu ý: Học sinh chỉ ôn tập phần có chữ màu đen.